

Bản án số: 09/2022/HS-PT  
Ngày 12-01-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Huy Toàn.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Quân Vương.

Ông Trương Văn Lộc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Mai Xuân Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 92/2021/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Chang Chao C. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2021/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

Chang Chao C (tên gọi khác: A Q) sinh năm 1980 tại Đài Loan; nơi cư trú: Lầu 3, số 3, ngách 8, hẻm 24, đường J, khu T, thành phố C, Đài Loan; chỗ ở: Chung cư Becamex Việt Sing, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): Trung cấp; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Đài Loan (Trung Quốc); con ông Chang Shu Y và bà Wu Pi K; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2019 cho đến nay, có mặt.

***- Người bào chữa cho các bị cáo:*** Ông Trịnh Đức D - Là Luật sư Công ty luật TNHH Mặt Trời Việt, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, là người bào chữa cho bị cáo Chang Chao C, có mặt.

***- Người phiên dịch:*** Bà Phan Ái T, nơi cư trú: 86 Tổ 4, khu dân cư Nguyễn Văn Tiết, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chang Chao C là người Đài Loan, sống tại căn hộ chung cư Becamex, khu dân cư Vietsing, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Lê Minh T là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ S, địa chỉ: Ô 4- 6, lô DC 57, KDC VietSing, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (gọi tắt Công ty S) kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái. Trần Mạnh H là nhân viên của Công ty S.

Khoảng năm 2018, Chang Chao C quen biết với người tên Kuo Tai M (không rõ nhân thân lai lịch) tại nước Campuchia. M đề nghị Chun đến Việt Nam tìm mua các tài khoản ngân hàng để nhận tiền từ các con bạc chuyển vào và rút tiền mặt giao cho M để được trả tiền công 01 tháng 3.000 đô la Mỹ (USD) và 08% trên số tiền rút được thì C đồng ý. Sau đó, từ tháng 3/2019 Chang Chao C nhiều lần đến Việt Nam để tìm mua tài khoản ngân hàng nhưng không được.

Đến tháng 6/2019, Chun làm quen với Lê Minh T do T thường cho người Đài Loan (Trung Quốc) thuê xe và biết giao tiếp bằng tiếng Trung. C và T thỏa thuận việc mua tài khoản ngân hàng tại Việt Nam với giá 01 tài khoản từ 3.000.000 đồng đến 3.500.000 đồng. Lê Minh T đã yêu cầu một số người quen biết lập các tài khoản ngân hàng giao cho Tâm rồi T bán cho Chang Chao C.

Sau khi mua được một số tài khoản ngân hàng từ T, C đưa thông tin về các tài khoản lên nhóm của M trên mạng xã hội Telegram, M hỏi C về việc rút tiền từ các tài khoản này thì C cho biết là không rút được do không phải chủ tài khoản. Do đó, Kuo Tai M đề nghị Lê Minh T rút tiền từ tài khoản ngân hàng giao lại cho Chang Chao C để được hưởng 08% trên số tiền rút được thì T đồng ý.

Để rút được tiền theo yêu cầu, T nhờ em ruột là Lê Minh H, Lê Minh C và nhân viên của T là Trần Mạnh H mở các tài khoản ngân hàng rồi đưa cho T để giao cho C quản lý. Đồng thời T thuê căn hộ chung cư Becamex, khu dân cư Vietsing cho C ở. Hàng ngày, C đến phòng làm việc của T tại Công ty S sử dụng máy vi tính để liên lạc, trao đổi qua mạng xã hội Telegram với nhóm của Kuo Tai M về việc rút tiền. Các thông tin về tài khoản ngân hàng nhận tiền, mật khẩu đăng nhập, số tiền rút, số tiền giao và các nội dung khác có liên quan được đưa lên trao đổi trong nhóm trên mạng xã hội. Khi nhận tin nhắn từ ngân hàng bằng tiếng Việt thông báo thông tin về tài khoản nhận tiền, mã OTP... C không hiểu nên nhờ T đọc nội dung rồi C nhắn tin lên nhóm của Kuo Tai M, nếu không có T thì C sẽ chụp hình và gửi lên nhóm.

Khi sắp có nguồn tiền thì nhóm của M sẽ hỏi C tài khoản nào có thể nhận và rút được tiền, C hỏi T thì T sẽ chọn tài khoản của H, hoặc Ch để báo lại cho C, C thông báo lại cho nhóm của M biết. Khi có tiền chuyển vào tài khoản ngân hàng do T chỉ định thì nhóm của M báo C biết và C yêu cầu T rút tiền, T kêu H hoặc

Ch đến ngân hàng hoặc trụ ATM rút tiền về giao cho T. Sau khi trừ 08% trên số tiền rút được, T giao tiền cho C. Kuo Tai M sẽ cử người đến gặp C lấy tiền.

Khoảng 14 giờ ngày 18/7/2019, bà Phan Ngọc H nhận được điện thoại từ các đối tượng (chưa xác định được lai lịch) xưng là cán bộ ngành Tư pháp (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án) của thành phố Đà Nẵng nói bà H là nghi can trong một vụ án về ma túy, lừa đảo và rửa tiền, yêu cầu bà H giữ kín thông tin để không ảnh hưởng đến việc điều tra vụ án. Đồng thời, các đối tượng này gửi cho bà H hình Quyết định tạm giữ, niêm phong tài sản và Lệnh bắt tạm giam đối với bà Phan Ngọc H và yêu cầu bà H rút hết tiền gửi tiết kiệm, mở 01 tài khoản tại Ngân hàng Quân đội nộp tiền vào để điều tra về nguồn tiền.

Thực hiện theo yêu cầu, ngày 19/7/2019 bà H đến Ngân hàng Quân đội (MBbank) - Phòng giao dịch U, tỉnh Bình Dương mở tài khoản số 1420128982003, đăng ký số thuê bao nhận mã xác thực giao dịch (mã OTP) là 0865259261 và nộp số tiền 450.000.000 đồng vào tài khoản. Sau đó, bà H cung cấp các thông tin về tài khoản vừa mở cho các đối tượng nêu trên.

Đến khoảng hơn 14 giờ cùng ngày, bà H phát hiện số tiền 449.900.000 trong tài khoản của bà H đã bị chuyển đến tài khoản số 65310000402146 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Thủ Dầu Một của Trần Mạnh H. Sau đó, bà H không liên lạc được với các đối tượng tự xưng là cán bộ ngành Tư pháp nên biết mình bị lừa. Ngày 27/7/2019, bà H đến nộp đơn trình báo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bằng thủ đoạn tương tự nêu trên, các đối tượng giả danh cán bộ ngành Tư pháp (chưa xác định được lai lịch) đã lừa đảo 13 người khác trên địa bàn các tỉnh chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng do Lê Minh T giao cho Chang Chao C quản lý. Sau đó, Lê Minh T rút tiền giao cho Chang Chao C để giao lại cho Kuo Tai M. Cụ thể như sau:

Ông Hồ Xuân M: Ngày 26/6/2019, ông M bị các đối tượng giả danh cán bộ Tư pháp lừa đảo nên chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản số 65110002431595 tại Ngân hàng BIDV của Lê Minh H. Cùng ngày, H rút tiền ra giao cho Lê Minh T. Ngày 27/7/2019, ông M tiếp tục chuyển số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản số 65310000402146 tại Ngân hàng BIDV của Trần Mạnh H, số tiền này được rút tại trụ ATM.

Bà Tạ Thị Thu T: Ngày 01/7/2019, bà T bị các đối tượng giả danh cán bộ Tư pháp lừa đảo nên chuyển số tiền 83.000.000 đồng vào tài khoản số 046100606406 tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của Lê Minh H, H rút tiền ra giao cho Lê Minh T.

Bà Nguyễn Thị Cẩm D: Ngày 02/7/2019, bà D bị các đối tượng giả danh cán bộ Tư pháp lừa đảo nên mở tài khoản số 186191099 tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPbank) và nộp số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản. Sau đó, các đối tượng lừa đảo chuyển số tiền 60.000.000 đồng từ tài khoản của bà D vào

tài khoản số 19033670809011 tại Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) của Trần Mạnh H, H rút tiền ra giao cho Lê Minh T.

Bà Hoàng Thị H: Ngày 04/7/2019, bà H bị các đối tượng giả danh cán bộ Tư pháp lừa đảo nên chuyển số tiền 452.420.000 vào tài khoản số 050108184611 tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) của Lê Minh H, H rút tiền ra giao cho T.

Ông Phạm Phú Nguyên H: Ngày 05/7/2019, ông H bị các đối tượng giả danh cán bộ tư pháp lừa đảo nên chuyển số tiền 32.000.000 đồng vào tài khoản số 050108184611 tại Ngân hàng Sacombank của Lê Minh H, H rút tiền ra giao cho T. Ngày 06/7/2019, ông H tiếp tục chuyển số tiền 54.000.000 đồng vào tài khoản số 050108184611 tại Ngân hàng Sacombank của Hảo. Sau đó 50.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản của 31410001496742 tại Ngân hàng BIDV của Lê Minh Ch và được rút ở trụ ATM; còn 4.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản 046100606406 tại Ngân hàng Vietcombank của Lê Minh H.

Bà Phan Thị Thu H: Ngày 12/7/2019, bà H bị các đối tượng giả danh cán bộ tư pháp lừa đảo nên chuyển số tiền 54.900.000 đồng vào tài khoản số 19033670809011 tại Ngân hàng Techcombank của Trần Mạnh H, H rút tiền ra giao cho T.

Bà Phạm Thị T: Ngày 16/7/2019, bà T bị các đối tượng giả danh cán bộ Tư pháp lừa đảo nên chuyển số tiền 393.000.000 đồng vào tài khoản số 19033670809011 tại Ngân hàng Techcombank của Trần Mạnh H. Ngày 17/7/2019, bà T nhờ người quen là ông Nguyễn Đại P chuyển số tiền 20.000.000 đồng; bà Lê Thị Thúy H chuyển số tiền 200.000.000 đồng và bà Vũ Thị Thanh L chuyển số tiền 125.000.000 đồng vào tài khoản số 19033670809011 tại Ngân hàng Techcombank của Trần Mạnh H. Tổng số tiền 738.000.000 đồng của bà T chuyển vào tài khoản ngân hàng của H, H rút ra giao cho T.

Bà Lê Thị Lan H: Ngày 16/7/2019, bà H bị các đối tượng giả danh cán bộ Tư pháp lừa đảo nên lập tài khoản số 0040119018007 tại Ngân hàng Quân đội (MBbank) và nộp số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản. Cùng ngày, số tiền 100.000.000 đồng bị chuyển vào tài khoản số 65110002431595 tại Ngân hàng BIDV của Lê Minh H, sau đó 50.000.000 đồng được chuyển tiếp vào tài khoản số 0461000624665 tại Ngân hàng Vietcombank của T. Toàn bộ số tiền này được T rút ra nhiều lần tại trụ ATM. Ngày 17/7/2019, bà H tiếp tục nộp số tiền 31.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng MBbank thì bị các đối tượng lừa đảo chuyển vào tài khoản số 613704060353460 tại Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam (VIB) của H, H rút tiền ra giao cho T.

Ông Phạm Viết S: Ngày 31/7/2019, ông S bị các đối tượng giả danh cán bộ tư pháp lừa đảo nên chuyển số tiền 950.000.000 đồng vào tài khoản số 19034523707011 tại Ngân hàng Techcombank của Lê Minh H, H rút tiền ra giao cho T.

Bà Lê Thị Kim T: Ngày 02/8/2019, bà T bị các đối tượng giả danh cán bộ tư pháp lừa đảo nên chuyển số tiền 1.200.000.000 đồng vào tài khoản số 65310000402146 tại Ngân hàng BIDV của Trần Mạnh H. T kêu H đi rút được số tiền 250.000.000 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng BIDV của H chuyển tiếp vào tài khoản số 19033670809011 của H tại Ngân hàng Techcombank, rồi chuyển vào tài khoản số 0461000624665 tại Ngân hàng Vietcombank của T và rút nhiều lần tại trụ ATM. Số tiền 250.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng BIDV của H bị chuyển tiếp vào tài khoản của Ch số 31410001496742 tại Ngân hàng BIDV, Ch rút ra và giao cho T. Còn lại 500.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng BIDV của H, Cơ quan điều tra đã kịp thời ngăn chặn nên H không rút được.

T mượn của người quen là ông Nguyễn Đình T số tiền 700.000.000 đồng bù vào số tiền chưa rút được để giao cho Chang Chao C. T thỏa thuận với ông T trả góp hàng ngày số tiền 90.000.000 đồng và T chuyển nguồn tiền của nhóm Kuo Tai M vào tài khoản ngân hàng của ông T để ông T rút ra giao cho T, T cho ông T hưởng 02% trên số tiền rút được; ông T không thừa nhận việc hưởng 02% như T trình bày.

Ông Nguyễn Đức Đ: Ngày 02/8/2019, ông Đốc bị các đối tượng giả danh cán bộ Tư pháp lừa đảo nên chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản số 15296840001 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (SCB) của Lê Minh H, sau đó 100.000.000 đồng chuyển tiếp vào tài khoản số 3514205162274 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) của bà Bùi Thị T, sinh năm 1992, nơi cư trú: Xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa, bà T rút tiền mặt. Còn lại 100.000.000 đồng trong tài khoản H rút tiền ra giao cho T. Ngày 03/8/2019, ông Đ tiếp tục chuyển số tiền 290.000.000 đồng vào tài khoản số 15296840001 tại Ngân hàng SCB của Hảo, số tiền này chuyển tiếp vào tài khoản số 19021851046028 tại Ngân hàng Techcombank của ông Nguyễn Đình T và ông T rút ra giao cho T.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh đối với bà Bùi Thị T nhưng bà T không có mặt tại nơi cư trú nên chưa làm việc được.

Bà Lê Ngô Quế P: Ngày 07/8/2019, bà P bị các đối tượng giả danh cán bộ Tư pháp lừa đảo nên mở tài khoản số 1510125114007 tại Ngân hàng MBbank và nộp số tiền 65.000.000 đồng vào tài khoản. Sau đó, số tiền này chuyển vào tài khoản số 19033670809011 tại Ngân hàng Techcombank của Trần Mạnh H rồi chuyển tiếp vào tài khoản số 19021851046028 tại Ngân hàng Techcombank của ông Nguyễn Đình T. Ông T giữ số tiền này để trừ nợ số tiền mà T đã vay.

Bà Nguyễn Thị Phương T: Ngày 07/8/2019, bà T bị các đối tượng giả danh cán bộ Tư pháp lừa đảo nên chuyển số tiền 2.630.000.000 đồng vào tài khoản số 15296840001 tại Ngân hàng SCB của H, chuyển số tiền 1.450.000.000 đồng vào tài khoản số 190.34523707.011 tại Ngân hàng Techcombank của H và chuyển số

tiền 2.600.000.000 đồng vào tài khoản số 19033670809011 tại Ngân hàng Techcombank của Trần Mạnh H. Sau đó, tổng số tiền 6.680.000.000 đồng của bà T (trong tài khoản của H) bị chuyển đến tài khoản số 19021851046028 tại Ngân hàng Techcombank của Nguyễn Đình T. Ông T rút số tiền 2.414.700.000 đồng giao cho T, còn 3.800.000.000 đồng T rút ra nhưng chưa kịp giao cho T thì ngày 12/8/2019 Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở thu giữ.

Như vậy, từ ngày 26/6/2019 đến ngày 08/8/2019 các tài khoản ngân hàng của Lê Minh T, Trần Mạnh H, Lê Minh H, Lê Minh Ch do Chang Chao C quản lý đã nhận tổng số tiền 11.431.220.000 đồng do 14 người bị các đối tượng giả danh cán bộ ngành tư pháp lừa đảo chuyển vào. Trong đó, tài khoản của Trần Mạnh H tại Ngân hàng Techcombank và Ngân hàng BIDV nhận số tiền 5.117.800.000 đồng và rút số tiền 1.568.350.000 đồng, số tiền còn lại chuyển đến tài khoản khác. Còn số tiền 500.000.000 đồng do bà Lê Thị Kim T chuyển vào tài khoản Ngân hàng BIDV của H bị Cơ quan điều tra ngăn chặn nên không rút được. Mỗi lần đi rút tiền, T cho H số tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, tổng số tiền H thu lợi bất chính khoảng 3.000.000 đồng.

Lê Minh T rút tiền và yêu cầu H, Ch, T rút tổng số tiền 10.373.420.000 đồng, T đã giao cho C số tiền 6.573.420.000 đồng, T khai nhận thu lợi bất chính số tiền khoảng 300.000.000 đồng. Đối với số tiền 3.800.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Phương T, ông T rút ra chưa giao cho T thì bị thu giữ.

Chang Chao C sau khi nhận tiền từ Lê Minh T thì báo cho Kuo Tai M cử người đến gần chỗ ở của C để lấy tiền. Tổng số tiền C đã giao cho người của Kuo Tai M số tiền khoảng 5.000.000.000 đồng. C đã được Kuo Tai M trả tiền công 2.000 USD (khoảng 50.000.000 đồng) và được giữ lại số tiền 08% trên tổng số tiền rút được để làm quỹ chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày là 350.000.000 đồng. Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ hoạt động rửa tiền tại Việt Nam 400.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2021/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 3 Điều 324; Điều 46; Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Chang Chao C 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2019.

Ngoài ra, bản án còn xử phạt bị cáo Lê Minh T 12 (mười hai) năm tù, bị cáo Trần Mạnh H 08 (tám) năm tù, tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, bị cáo Chang Chao C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị

cáo như cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là phù với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm bào chữa của Luật sư cho bị cáo: bị cáo do bất đồng về ngôn ngữ, không hiểu biết pháp luật Việt Nam, bị người khác lôi kéo vào con đường phạm tội, vai trò của bị cáo là người giúp sức trong vụ án, tự nguyện dùng tiền cá nhân của mình để nộp lại số tiền thu lợi trong vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng từ tháng 6/2019, các đối tượng giả danh cán bộ ngành Tư pháp gọi điện lừa đảo các bị hại cho rằng họ có liên quan đến phạm pháp hình sự và yêu cầu họ chuyển tiền vào tài khoản do chúng ấn định. Mặc dù, biết đây là tiền do phạm tội mà có nhưng Chang Chao C, Lê Minh T đã nhờ Trần Mạnh H, Lê Minh H, Lê Minh Ch và bản thân T trực tiếp mở tài khoản để các bị hại chuyển tiền vào theo yêu cầu của những người giả danh cán bộ ngành Tư pháp. Từ ngày 26/6/2019 đến ngày 08/8/2019 các tài khoản ngân hàng của Lê Minh T, Trần Mạnh H, Lê Minh H, Lê Minh Ch do Chang Chao C, Lê Minh T quản lý đã nhận tổng số tiền 11.485.320.000 đồng do 14 người bị các đối tượng giả danh

cán bộ ngành tư pháp lừa đảo chuyển vào. Lê Minh T đã trực tiếp rút, nhờ Trần Mạnh H, Lê Minh H, Lê Minh Ch rút tiền cho Tâm và chuyển qua tài khoản của Nguyễn Đình T để Tuấn rút tiền đưa cho T để T đưa cho C số tiền 4.205.220.000 đồng và T thu lợi bất chính số tiền là 336.417.600 đồng. Chang Chao C nhận của T số tiền là 4.328.802.400 đồng, đã giao cho Kuo Tai M 3.957.984.800 đồng. Thu lợi bất chính 8% kể từ ngày 01/7/2020 đến khi bị bắt là 370.817.600 đồng và 2.000 USD (tương đương 46.000.000 đồng), tổng cộng là 416.817.600 đồng. Hành vi của bị cáo Chang Chao C đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Rửa tiền” theo quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều 324 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng và trật tự quản lý Nhà nước về tài sản phạm tội mà có, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ số tiền do người khác chuyển đến là do phạm tội mà có nhưng vẫn yêu cầu bị cáo T, H nhờ người khác mở tài khoản để họ chuyển tiền vào nhằm mục đích che dấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền do người khác phạm tội và nhằm hưởng lợi từ số tiền bất hợp pháp đó, hành vi này là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên đã cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo: bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quan điểm của người bào chữa trình bày nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc bị cáo phạm tội là phù hợp. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đã được cấp sơ thẩm xem xét, việc đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chang Chao C, giữ nguyên Bản



án hình sự sơ thẩm số: 103/2021/HS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 324; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017,

Xử phạt bị cáo Chang Chao C 13 (mười ba) năm tù về tội “Rửa tiền”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2019.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.